TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN GIỒNG TRÔM	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẾN TRE	

Bản án số: 96/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2019

V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Diễn

Ông Lê Thành Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2019 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1977; (có mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Ông Châu Ngọc T, sinh năm: 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Chị P và anh T thông qua mai mối, gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau anh chị sống cùng gia đình anh T tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc do không có tình cảm với nhau, đồng thời anh chị có nhiều bất đồng quan điểm về tính cách và lối sống nên đến đầu năm 2000 chị P đã đưa con về gia đình cha mẹ ruột tại xã Lương Hòa để sinh sống và ly thân với anh T đến nay. Trong hơn 19 năm qua, anh chị mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan T đến ai, anh T cũng không đóng góp trong việc nuôi con. Thực tế chị P và anh T không có tình cảm với nhau nên chị yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận chị P và anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Châu Thị P T, sinh ngày 25/12/1999. Con chung đã thành niên, tự chăm sóc bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Châu Ngọc T vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời anh T cũng không nộp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Châu Ngọc T là vợ chồng, anh T hiện đang cư trú tại ấp 5A, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho anh T tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị P xác định chị và anh T sống chung như vợ chồng từ năm 1998 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre về việc qua kiểm tra sổ bộ hộ tịch kết hôn không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn giữa chị P và anh T. Qua đó có cơ sở xác định việc kết hôn giữa chị P và anh T không được đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng giữa ông bà. Nay chị P khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Châu Thị P T, sinh ngày 25/12/1999. Con chung hiện đã thành niên, tự chăm sóc bản thân nên Tòa án không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Do anh T vắng mặt không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nếu sau này có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị P là người khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P, cụ thể:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Châu Ngọc T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Châu Thị P T, sinh ngày 25/12/1999. Con chung hiện đã thành niên, tự chăm sóc bản thân nên Tòa án không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Do anh T vắng mặt không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nếu sau này có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002249 ngày 02 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị P đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Châu Ngọc T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Hòa, UBND thị trấn Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan